

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KIẾN THỨC THÔNG TIN

TRẦN MẠNH TUẤN^(*)

Kiến thức thông tin là sự hiểu biết, tri thức, kỹ năng; thái độ, các hành vi cụ thể của mỗi thành viên của cộng đồng, mỗi con người trong xã hội trong việc khai thác, sử dụng các nguồn/hệ thống thông tin. Hoạt động thông tin càng phát triển thì trình độ kiến thức thông tin của con người trong xã hội càng được nâng cao. Trình độ của kiến thức thông tin sẽ là một trong những chỉ số quan trọng phản ánh mức độ thông tin được sử dụng trong mỗi xã hội, phản ánh sự bình đẳng của việc khai thác, sử dụng thông tin đối với mỗi thành viên trong xã hội. Đó cũng là những nội dung chính được tác giả trình bày trong bài viết này.

1. Từ khoảng cuối những năm 90 thế kỷ XX, vấn đề *kiến thức thông tin* đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của xã hội. Lúc này, người dùng tin đang phải đối diện với những thay đổi rất sâu sắc từ phía hoạt động thông tin, nhất là sự gia tăng không ngừng các nguồn tin, sự phát triển của các loại hình sản phẩm và dịch vụ thông tin và bản thân nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin trong mọi lĩnh vực hoạt động của mình.

Trong điều kiện và bối cảnh các nguồn thông tin số hoá gia tăng đột biến, thì người dùng tin trực tiếp phải tự tìm cách khai thác, lựa chọn và tiếp cận đến các nguồn thông tin mà mình cần. Khi con người có thể khai thác, truy cập được mọi nguồn tài nguyên thông tin tại mọi nơi và vào mọi lúc, thì không phải người dùng tin luôn có được sự trợ giúp của các chuyên gia thông tin theo như những phương thức truyền

thống trước kia. Khi việc khai thác, sử dụng thông tin có thể mang đến cho mỗi cá nhân hay cộng đồng những lợi ích quan trọng cũng như có thể đem đến cả những thách thức hay rủi ro khó lường hết được, thì thái độ, hành vi sử dụng thông tin trở thành nội dung chuẩn mực đạo đức của con người trong xã hội thông tin...

Đó chính là các vấn đề của *kiến thức thông tin*.

Người ta nhận ra rằng, mỗi người, tùy thuộc vào trình độ nhận thức, sự hiểu biết và kinh nghiệm của mình, có thể khai thác được các nguồn thông tin ở những mức độ khác nhau, có thể nhận được hay không nhận được các thông tin mà mình cần. Vì thế, mỗi người đều phải chú ý đến việc tra cứu và rèn luyện những tri thức và kỹ

(*) ThS., Viện Thông tin KHXH

năng về thông tin, tức là bằng cách này hay cách khác, trang bị và làm giàu cho mình kiến thức thông tin.

2. Kiến thức thông tin là một lĩnh vực luôn thay đổi, chịu sự tác động của nhiều yếu tố xã hội phức tạp. Ví dụ, là sự phụ thuộc vào quy mô, trình độ ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật; phụ thuộc vào các quá trình thông tin-thư viện; phụ thuộc vào sự hình thành, phát triển và phương thức hoạt động, vận hành của các nguồn/hệ thống thông tin; phụ thuộc vào cách thức mà thông tin được sử dụng phục vụ các mục tiêu, lợi ích phát triển...

Kiến thức thông tin cũng phụ thuộc chặt chẽ vào các yếu tố *thời gian* - bởi nó luôn thay đổi - và *không gian* - bởi nó gắn chặt với mỗi cá nhân, cộng đồng, quốc gia cụ thể.

Việc phân tích ý nghĩa và mối quan hệ của kiến thức thông tin đối với sự phát triển kinh tế-xã hội mỗi cộng đồng, quốc gia sẽ giúp đánh giá được vai trò của thông tin, cũng như xây dựng và triển khai các chính sách khuyến khích sử dụng thông tin trong xã hội. Tuy nhiên, bài viết này không đề cập tới khía cạnh đó, mà chỉ tập trung bàn về *nội dung của kiến thức thông tin*.

Ngày nay, khi đề cập đến kiến thức thông tin, người ta quan tâm đến các khả năng ở người dùng tin trực tiếp - với tư cách là thành viên của cộng đồng, công dân của một đất nước trong việc:

- Lựa chọn, xác định được các nguồn/hệ thống thông tin có thể đáp ứng nhu cầu tin: kiến thức thông tin sẽ giúp trả lời câu hỏi *có thể đáp ứng được nhu cầu tin ở đâu?*

- Kỹ năng khai thác các nguồn, hệ thống thông tin tự động hoá: kiến thức

thông tin sẽ giúp trả lời câu hỏi *có thể đáp ứng được nhu cầu thông tin nhờ các kỹ năng nào?*

- Khai thác, sử dụng một cách hợp lý các nguồn/hệ thống thông tin: Kiến thức thông tin giúp trả lời câu hỏi *thông tin nào cần được sử dụng và hành vi sử dụng như thế nào được coi là hợp lý?*

Đó chính là nội dung của kiến thức thông tin. Dưới đây là phần phân tích theo từng vấn đề nêu trên.

a. Khả năng lựa chọn, xác định các nguồn / hệ thống thông tin thích hợp

Mỗi người, tùy thuộc vào nhu cầu và điều kiện cụ thể của mình mà cần khai thác, sử dụng những thông tin xác định. Có thể nói, tương ứng với mỗi loại nhu cầu và mỗi nhóm người dùng tin, tương ứng với những mục đích khai thác, sử dụng thông tin mà tồn tại các loại thông tin khác nhau. Bởi vậy, để có thể khai thác, sử dụng có hiệu quả thông tin, để giảm bớt các chi phí về thời gian, công sức cho việc tìm tin thì trước hết, con người cần có khả năng xác định được một cách *đúng*, và sau đó là *đầy đủ* các nguồn/hệ thống thông tin nào khả dĩ đáp ứng được nhu cầu của mình.

Hiện tồn tại một số loại cơ quan thông tin-thư viện khác nhau, theo các dấu hiệu phân chia khác nhau. Dựa vào tính chất của nguồn tài liệu mà cơ quan trực tiếp quản lý, người ta đã chia các cơ quan này thành 5 loại chính:

1) Các cơ quan chủ yếu lưu giữ các *xuất bản phẩm*: gồm sách, báo, tạp chí,...

2) Các cơ quan chủ yếu lưu giữ và tạo lập các *tư liệu khoa học*: gồm các báo cáo khoa học, các công trình tư liệu khoa học, kết quả các đề tài khoa học, báo cáo điền dã, thông tin điều tra cơ bản,...

3) Các cơ quan chủ yếu lưu giữ và tạo lập các loại *ấn phẩm phân tích- tổng hợp thông tin*: gồm các tổng luận, tổng quan khoa học, báo cáo thường niên của các tổ chức, ngành khoa học,...

4) Các cơ quan chủ yếu lưu giữ và tạo lập các *cơ sở dữ liệu*: gồm các loại hình tài liệu số hoá, chủ yếu là các CSDL như các CSDLTM và được lưu giữ trên các đĩa CD-ROM, sau này có thể được tồn tại dưới dạng các OPAC,...

5) Các cơ quan chủ yếu quản trị và khai thác các *mạng thông tin*: hiện tại được xem là các ICP, ISP và IXP - các nhà quản trị các mạng thông tin, cổng thông tin,...

Có một hình ảnh rất “đắt” phản ánh vai trò của kiến thức về sự phân bố các nguồn/hệ thống thông tin: người đi tìm kiếm thông tin trên Internet được ví như một người cầm trên tay một ngọn nến nhỏ, để tìm cái mà mình cần trong một nhà kho khổng lồ không có ánh sáng. Khi đó, anh ta chỉ có thể thấy được những gì rất gần với ngọn nến mà thôi, và vì thế, chỉ có thể tìm được những gì rất gần chỗ anh ta đứng, tức là anh ta phải biết được cái mà mình cần tìm có thể đang được *cất giữ* ở nơi nào.

Hình ảnh đó có thể mở rộng ra đối với các quá trình tìm tin nói chung, bởi thực tế, tìm tin trên Internet mới chỉ là một *nơi* mà người dùng tin phải tiến hành tìm kiếm thông tin.

Để nâng cao trình độ hiểu biết về sự phân bố các nguồn/hệ thống thông tin cần tiến hành theo những phương thức khác nhau, tùy thuộc vào những điều kiện cụ thể. Một trong số các phương thức đó là việc tạo nên các nhóm nguồn/hệ thống thông tin có liên quan mật thiết với nhau theo *quyền lợi/sự quan tâm của*

người dùng tin. Sử dụng phương thức này, trên các website hiện nay rất phổ biến tạo ra các đường liên kết (link) đến các nhóm website khác. Trong các loại sản phẩm thông tin truyền thống, các nguyên lý xây dựng *chỉ dẫn trích dẫn khoa học* (Science Citation Index SCD) về bản chất cũng là việc tạo nên một tập hợp tài liệu có liên quan mật thiết với nhau.

b. Vấn đề kỹ năng khai thác các nguồn / hệ thống thông tin

Việc áp dụng các thành tựu KHCN vào các quá trình thông tin không ngừng được gia tăng. Ngoài ra, sự phát triển nguồn tin theo những dạng thức mới cũng luôn diễn ra. Do đó, thành phần và dạng thức của các nguồn/hệ thống thông tin không ngừng được đổi mới theo những khả năng rất khác biệt nhau. Điều đó đặt ra thực tế là để có thể khai thác được đầy đủ mọi nguồn/hệ thống thông tin, người tìm tin cần hiểu rõ được các nguyên tắc, các phương pháp tổ chức, quản lý của các nguồn/hệ thống thông tin. Đây là một vấn đề không hề đơn giản: Trong bối cảnh nguồn tin không ngừng gia tăng, các giải pháp công nghệ được sử dụng để quản trị chúng cũng luôn biến đổi và rất đa dạng, thì việc hiểu rõ khả năng thích ứng của nguồn tin với yêu cầu, và sau đó là các kỹ năng cần thiết để khai thác ở mức hợp lý các nguồn tin là vấn đề luôn đặt ra đối với người dùng.

Như vẫn biết, mỗi nguồn/hệ thống thông tin thường sử dụng một/một số phương pháp cụ thể để quản trị các bộ sưu tập của mình. Cụ thể hơn, trong số đó, yếu tố tác động trực tiếp đến người dùng tin là *ngôn ngữ tư liệu* mà hệ thống đó sử dụng. Đặc trưng này được phản ánh qua hệ thống từ vựng và các quy định về sự liên kết các đơn vị từ vựng để biểu diễn các lệnh tìm đối với người dùng tin.

Tuy rằng các nhà quản trị và thiết kế các hệ thống thông tin luôn hướng đến tạo nên sự đơn giản, thuận tiện đối với người tìm, song do bản chất phức tạp và không thể thuần nhất của mọi loại nguồn/hệ thống thông tin mà tính chất phức tạp của các loại ngôn ngữ tư liệu được hệ thống sử dụng luôn là trở ngại đối với quá trình tìm tin. Trường hợp xảy ra phổ biến khi mà bộ sưu tập của hệ thống mang tính cá biệt, ví dụ như các tài liệu, tư liệu về các khía cạnh địa lý, sinh học, môi trường tự nhiên, lịch sử, văn hoá, văn học-nghệ thuật, dân tộc,... của các cộng đồng, khu vực. Lúc này, rõ ràng, đối với người dùng tin, các trở ngại về việc hiểu rõ và sử dụng thuần thực ngôn ngữ tư liệu của hệ thống là không hề đơn giản. Ngoài ra, cũng chính ở các bộ sưu tập mang tính đặc thù này mà thông thường cấu trúc các CSDL do hệ thống tạo lập và phát triển cũng có những đặc điểm riêng biệt, từ đó dẫn đến cách thức khai thác, truy cập các nguồn tin này có những đặc điểm cá biệt, tức là muốn khai thác được đầy đủ các khả năng của chúng, cần sự hiểu biết và các kỹ năng đặc biệt, thường không có trong các nguồn/hệ thống thông tin khác.

Các kỹ năng khai thác thông tin trong các hệ thống OPAC do Viện Thông tin KHXH tạo lập, phản ánh các nguồn tài liệu cổ, quý hiếm lưu giữ tại Thư viện Trường Viễn Đông Bác cổ trước đây, hệ thống CSDL về các tư liệu văn hoá-dân tộc-nhân chủng học do Bảo tàng dân tộc học Việt Nam tạo lập, cũng như các kỹ năng được sử dụng để khai thác ngân hàng dữ liệu nhãn hiệu hàng hoá mà WIPO tạo lập, các OPAC được phát triển trên website <http://www.birds.com> luôn đòi hỏi ở người tìm tin các kỹ năng hoàn toàn khác biệt nhau,... Tương ứng với các

trường hợp liệt kê trên, đó là việc kiểm soát thông tin trong các trường địa danh cổ và hiện tại, địa danh hành chính và phi hành chính; các trường từ khoá dân tộc-địa lý, địa-văn hoá; việc tìm kiếm thông tin theo các biểu trưng, hình ảnh phản ánh các nhãn hiệu hàng hoá; kiểu tìm kiếm thông tin theo các tên sinh học và tên vùng địa lý là nơi cư trú, khu vực sinh thái của các loài chim,...

Chỉ khi đó, tức là khi người dùng tin nắm rõ và sử dụng một cách thuần thực ngôn ngữ tư liệu trong các quá trình tìm tin thì các tính năng và năng lực của các nguồn thông tin này mới được khai thác, khám phá một cách đầy đủ.

Để có được khả năng đó, cần đến kiến thức thông tin.

Các nhà quản trị hệ thống thông tin cũng luôn nghĩ đến vấn đề trên và tìm mọi khả năng để trợ giúp người dùng tin. Chính vì thế, bên cạnh sự gia tăng khối lượng và chủng loại trong các nguồn tin/hệ thống thông tin, thì hệ thống các công cụ trợ giúp người dùng cũng luôn thu hút sự quan tâm của các nhà quản trị các mạng thông tin. Chính vì thế, đã dần hình thành và phổ biến hệ thống mục lục các nguồn tin trực tuyến kết hợp với nhau Co-operative Online Resource Catalog (CORC) trên các website -một bước phát triển ở mức cao hơn các OPAC được khởi xướng bởi OCLC từ năm 1998.

Xét về thành phần cấu tạo, có thể thấy CORC bao gồm 3 loại CSDL khác nhau:

- Các OPAC phản ánh nguồn tài nguyên thông tin (như sách, báo, tạp chí, danh mục,...).

- Các CSDL phản ánh về các CSDL OPAC đó (vì trên thực tế, ngày càng có

nhiều CSDL, nên để hỗ trợ cho người dùng hiểu biết về các CSDL trước khi họ truy cập, khai thác, đã xuất hiện loại CSDL siêu dữ liệu này. Và cũng là vì hướng đến sự thuận tiện đối với người dùng, người quản trị CSDL mà đã xuất hiện các tiêu chuẩn siêu dữ liệu, và Doublin Core là tiêu biểu mà nhiều người biết đến). Cùng với các CSDL này là các CSDL dẫn đường có chức năng chỉ dẫn đối với người dùng con đường hợp lý nhất để truy cập đến các ngân hàng dữ liệu, các CSDL dạng *pathfinder*.

- Các CSDL về tập hợp các loại ngôn ngữ tư liệu mà hệ thống sử dụng. Lần đầu tiên, OCLC đưa ra CSDL quản trị DDC, và gọi là Web Dewey. Sau này, đối với các hệ thống khác, cần hiểu một cách đầy đủ về các CSDL phản ánh ngôn ngữ tư liệu, như CSDL quản trị thesaurus, quản trị các loại bảng phân loại được sử dụng cũng như quản trị hệ thống đề mục chủ đề tức là mọi loại ngôn ngữ tư liệu mà một hệ thống thông tin cụ thể sử dụng để định chỉ số cho các loại đối tượng của mình. Trở lại ví dụ nêu trên, thuộc nhóm này là các loại CSDL quản trị các từ khoá là tên địa lý, tên các cộng đồng tộc người, tên thương mại của các sản phẩm, tên sinh học, tên vùng sinh thái,...

c. Vấn đề lựa chọn thông tin và hành vi khai thác sử dụng thông tin

Như đã biết, ngày càng có nhiều thông tin xuất hiện. Đương nhiên, các thông tin phù hợp luôn được người dùng tin cần đến, song đã xuất hiện hiện tượng dư thừa thông tin, theo nghĩa, lượng thông tin tỏ ra phù hợp với mỗi người sẽ ngày càng lớn, và trong số đó, lại thường xuất hiện hiện tượng nhiễu tin, tức là sự trà trộn của nhiều thông tin

về hình thức dường như là phù hợp, song trên thực tế lại không phù hợp. Ngoài ra, trà trộn vào các thông tin có thể truy cập được lại có cả các thông tin chính xác và không chính xác, các thông tin đúng, các thông tin sai, các thông tin được cập nhật và các thông tin đã lỗi thời,... Nói rộng ra, trong số các thông tin luôn sẵn sàng cho phép mỗi người có thể khai thác, sử dụng, có cả những thông tin mà việc sử dụng nó giúp con người đáp ứng được các nhu cầu sống, học tập, làm việc của mình, cũng như có cả những thông tin tiềm ẩn hay tiềm ẩn sự nguy hại cho quá trình phát triển nói chung. Luôn tồn tại những thông tin mà việc sử dụng nó giúp hoàn thiện nhân cách con người, bên cạnh các loại thông tin mà việc sử dụng nó sẽ làm phương hại đến các quan hệ cùng tồn tại và phát triển, đến thuần phong mỹ tục, đến các giá trị đạo đức và giá trị xã hội của cộng đồng.

Vì thế rất cần đến khả năng lựa chọn thông tin ở mỗi con người.

Việc khai thác, sử dụng thông tin mang lại cho con người sự hiểu biết, quyền lợi và nhiều khi cả quyền lực. Đó là bản chất hay một đặc điểm cơ bản của xã hội ngày nay - xã hội đang hướng đến xã hội thông tin, xã hội đang chứa đựng trong đó một nền kinh tế dựa trên thông tin và tri thức.

Vì mục đích phát triển bền vững của mỗi cộng đồng, quốc gia, mà thông tin được xem xét như một loại hàng hoá đặc biệt. Vì thế, đã hình thành các chính sách thông tin cho mỗi quốc gia, qua đó kích thích việc tạo lập và khai thác, sử dụng thông tin trên các phạm vi thông tin qua sự phát triển cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia và thị trường thông tin trên phạm vi quốc gia.

Với sự trợ giúp của các phương tiện tin học và truyền thông, với những ưu đãi mà chính sách thông tin mang lại, hiện nay, con người với những thao tác đơn giản, một chi phí hợp lý, có thể khai thác, truy cập được rất nhiều nguồn thông tin tại mọi nơi và vào mọi lúc. Từ đó có thể thấy từ phía người dùng tin trực tiếp, cần xác định rõ trách nhiệm của mình đối với các thông tin mà mình khai thác, sử dụng, bao gồm cả trách nhiệm về kinh tế và các trách nhiệm tinh thần khác.

Ngày nay, khi mà các nguồn tin số hoá được luân chuyển, khai thác và dĩ nhiên được quản lý trên các mạng thông tin, thì quyền sở hữu đối với bộ sưu tập của các cơ quan thông tin thư viện được thể hiện dưới dạng quyền cho phép người dùng tin khai thác, truy cập thông tin với những điều kiện và mức độ khác nhau. Vì thế, người dùng tin luôn cần hiểu rõ những ưu đãi mà mình được hưởng cũng như những nội dung chính của bản quyền trong khai thác, sử dụng thông tin. Hiện nay, khi Việt Nam trở thành thành viên của Hiệp hội các nước tham gia công ước Berne, thành viên của các tổ chức như WIPO cũng như các hiệp định song phương, đa phương khác, thì các vấn đề về bản quyền lại càng được người dùng tin đặc biệt quan tâm. Nếu vấn đề bản quyền không được giải quyết và tôn trọng một cách căn bản thì mọi động lực đối với việc tạo lập nội dung thông tin, mọi lao động sáng tạo của các nhà khoa học, các tác giả,... sớm muộn cũng sẽ bị triệt tiêu.

Đây cũng là một khía cạnh cần được quan tâm của kiến thức thông tin. Biểu hiện của kiến thức thông tin ở khía cạnh này chính là một thái độ sử dụng hợp lý (fair use) của người dùng tin.

3. Kiến thức thông tin, bản thân nó không phải là vấn đề mới. Song trong bối cảnh hiện nay, khi mà thông tin được sử dụng như một nguồn lực của mọi quá trình phát triển, kiến thức thông tin lại có vai trò rất quan trọng. Kiến thức thông tin vừa là phương tiện để con người tận dụng được mọi lợi thế mà xã hội dành cho họ, đồng thời lại là *chỉ số* quan trọng phản ánh trình độ và khả năng thích ứng của mỗi cá nhân, cộng đồng trong xu thế phát triển hiện nay. Trong xã hội hiện nay, con người cần biết cách vận dụng sự hiểu biết, tri thức có sẵn để giải quyết các nhiệm vụ mà thực tiễn đặt ra. Đó là tri thức về việc sử dụng tri thức - meta-knowledge. Muốn vậy, trước hết, con người cần biết cách tìm kiếm các thông tin phản ánh các tri thức đó, tức là biết cách khai thác, sử dụng các nguồn/hệ thống thông tin và biết rõ trách nhiệm đối với việc khai thác sử dụng thông tin. Đó là nội dung của kiến thức thông tin.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Handbook of Special Librarianship and Information Work: 7th ed./ Edited by A. Scammell.- London: ASLIB. 1998.
2. Scales B.J., Lindsay E.B. Qualitative Assessment of Student Attitudes toward Information Literacy. Portal Libraries and the Academy. 2005. Vol. 5. Number 4. October. p. 513- 526.
3. Trần Mạnh Tuấn. Vấn đề đào tạo người dùng tin trực tiếp. Hội thảo Tăng cường công tác đào tạo chuyên môn nghiệp vụ thông tin thư viện do Trung tâm Thông tin Tư liệu KHCN Quốc gia tổ chức tại Cát Bà, Hải Phòng ngày 8, 9/7/ 2003. 8 tr (báo cáo khoa học).